

HỆ THỐNG KHÓA CỬA ĐI - ĐỒNG

Double Door Lock Series - Brass

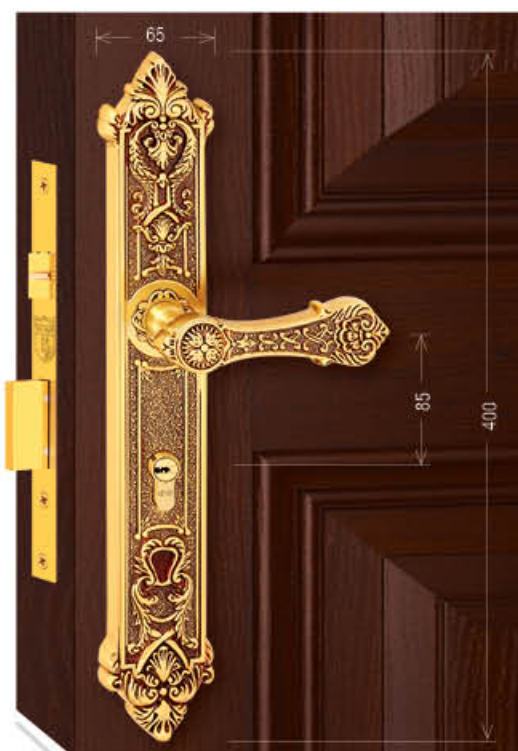




04189



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Đồng mạ vàng 22K (Gilded brass 22K)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	36 tháng (36 months)



04296



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Đồng sơn điện di (Brass E-coating)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	36 tháng (36 months)



04188



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Đồng phủ PVD (Pvd coated Brass)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	36 tháng (36 months)



04187



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Đồng sơn điện di (Brass E-coating)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	36 tháng (36 months)

KHÓA CỬA ĐI - ĐỒNG

Double Door Lock Series - Brass



04199



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Đồng sơn điện di (Brass E-coating)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	36 tháng (36 months)



04198



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Đồng sơn điện di (Brass E-coating)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	36 tháng (36 months)



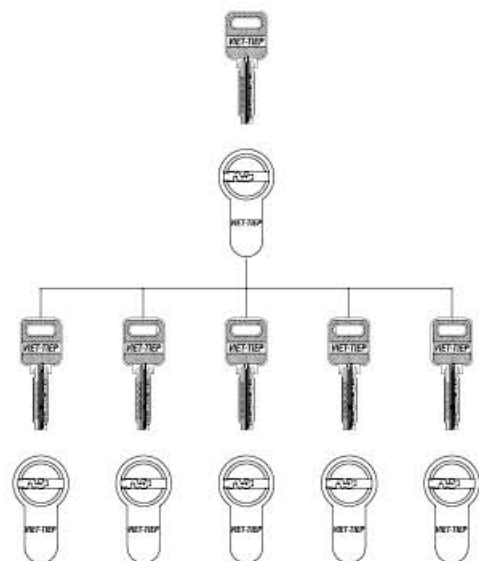
04197



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Đồng sơn điện di (Brass E-coating)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	36 tháng (36 months)

CHÌA KHÓA CHỦ

Master Key



- Chìa khóa chủ có thể mở được tất cả các khóa còn lại.
Master key can open all the remaining keys.
- Các chìa khóa còn lại không mở được lẫn của nhau và không mở được khóa chủ (chỉ mở được khóa của chính nó)
The remaining cannot open each other and the master key (only open itself)



04089



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Đồng sơn điện di (Brass E-coating)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04088



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Đồng phủ PVD (Pvd coated Brass)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04087



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Đồng sơn điện di (Brass E-coating)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04086



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Đồng sơn điện di (Brass E-coating)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)

HỆ THỐNG KHÓA CỬA ĐI - INOX

Double Door Lock Series - Stainless Steel





04185



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
SUS 304 phủ PVD (PVD coated SUS 304)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	36 tháng (36 months)



04835



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
SUS 304 phủ PVD (PVD coated SUS 304)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	36 tháng (36 months)



04165



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
SUS 304 phủ PVD (PVD coated SUS 304)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04120	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04175



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Inox phủ PVD (PVD coated Stainless Steel)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04120	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)

04933

Chất liệu (Material)
SUS 304 (SUS 304)

Độ dày cửa (Door thickness) 35-50mm

Chiều rộng cánh cửa (Door width) > 850mm

Hộp khóa (Lock case) 04182

Ổ KHÓA 2024 LOCK CYLINDER 2024



Bảo hành (Guarantee) 36 tháng (36 months)



04194



Chất liệu (Material)
SUS 304 (SUS 304)

Độ dày cửa (Door thickness)
35-50mm

Hộp khóa (Lock case) 04182

Bảo hành (Guarantee)

Ổ khóa (Lock cylinder) 2024

36 tháng (36 months)



04193



Chất liệu (Material)
SUS 304 (SUS 304)

Độ dày cửa (Door thickness)
35-50mm

Hộp khóa (Lock case) 04182

Bảo hành (Guarantee)

Ổ khóa (Lock cylinder) 2024

36 tháng (36 months)



04192



Chất liệu (Material) SUS 304 (SUS 304)	Độ dày cửa (Door thickness) 35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee) 36 tháng (36 months)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	



04825



Chất liệu (Material) SUS 304 (SUS 304)	Độ dày cửa (Door thickness) 35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee) 36 tháng (36 months)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	



04824



Chất liệu (Material) SUS 304 (SUS 304)	Độ dày cửa (Door thickness) 35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee) 36 tháng (36 months)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	



04823



Chất liệu (Material) SUS 304 (SUS 304)	Độ dày cửa (Door thickness) 35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee) 36 tháng (36 months)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	



04084



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
SUS 304 (SUS 304)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04083



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
SUS 304 (SUS 304)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04082



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
SUS 304 (SUS 304)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04081



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
SUS 304 (SUS 304)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)

HỆ THỐNG KHÓA CỬA ĐI - HỢP KIM

Double Door Lock Series - Zinc Alloy





04945



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04117	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04937



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04935



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim phủ PVD (PVD coated Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	36 tháng (36 months)



04932



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04941



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04942



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04938



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04939



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04925



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim phủ PVD (PVD coated Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04199	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2024	36 tháng (36 months)



04921



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04117	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04944



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04928



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04117	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04936



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04934



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04182	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04922



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04117	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04827



Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04117	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04912

Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04117	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04911

Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04117	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



04908

Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04117	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)



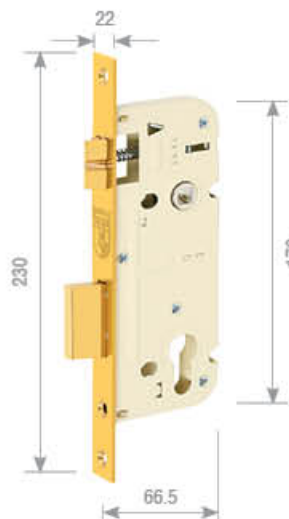
04906

Chất liệu (Material)	Độ dày cửa (Door thickness)
Hợp kim (Zinc Alloy)	35-50mm
Hộp khóa (Lock case) 04117	Bảo hành (Guarantee)
Ổ khóa (Lock cylinder) 2019	36 tháng (36 months)

HỘP KHÓA LOCK CASE



O4199



O4120



O4182



O4117

Ổ KHÓA LOCK CYLINDER



Ổ khóa ban công
Lock cylinder blank one side

2018



Ổ khóa ban công
Lock cylinder blank one side

2029



2024



2019



2033